TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Đặng Minh Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Hồ Quang N, sinh năm 1983; đăng ký thường trú: Số E, Đường số A, Tổ A, Khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên lạc: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp:

1.1. Chị Dương Thị Bích T, sinh năm 1999; cư trú tại: Tổ H, ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

1.2. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1988; cư trú tại: Số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Huy T1; cư trú tại: Số E, đường H, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Quang N do chị Dương Thị Bích T và chị Nguyễn Thị Hồng H thống nhất trình bày:

Do có quen biết với nhau từ trước và đang cần tiền sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình nên vào ngày 10/8/2023, ông Trần Huy T1 có vay của anh Hồ Quang N số tiền: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Khi vay, ông T1 có viết cho anh N "Hợp đồng cho vay tiền", các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 10/8/2023 đến ngày 10/9/2023. Trong Hợp đồng cho vay tiền ông T1 cam kết sẽ trả hết cho anh N số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vào ngày 10/9/2023. Tuy nhiên, đến hết ngày 10/9/2023 thì ông T1 không chịu hoàn trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) như đã cam kết trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/8/2023 cho anh N.

Anh N đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) đã vay của anh N nhưng ông T1 không chịu hoàn trả. Hành vi của ông T1 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của anh N, nay anh N yêu cầu:

- Buộc ông T1 hoàn trả cho anh N toàn bộ số tiền đã vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

- Buộc ông T1 phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) là:

300.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 23 tháng 18 ngày = 58.764.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Huy T1 không đến Tòa án làm việc, chỉ gửi đơn xin hoãn hòa giải không đề ngày, tháng, năm và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Trần Huy T1 được.

Tại phiên tòa,

- Những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Hồ Quang N là chị Dương Thị Bích T và chị Nguyễn Thị Hồng H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và gửi văn bản yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết: Buộc ông T1 hoàn trả cho anh N toàn bộ số tiền đã vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) là: 58.764.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Huy T1 vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; phía bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án là phù hợp với các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Quang N yêu cầu ông Trần Huy T1 phải trả cho anh Hồ Quang N số tiền gốc đã vay theo "Hợp đồng cho vay tiền" ngày 10/8/2023 là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025) là 58.764.000 đồng; tổng cộng là 358.764.000 đồng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trần Huy T1 đang cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa lần thứ hai, vắng mặt những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; vắng mặt bị đơn ông Trần Huy T1 không có lý do. Vì vậy, căn cứ

vào Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Quang N về số tiền gốc là 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 10/8/2023, giữa anh N và ông T1 lập "Hợp đồng cho vay tiền", theo đó anh N đồng ý cho ông T1 vay số tiền 300.000.000 đồng để ông T1 sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình. Theo phía anh N thì anh N đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù giữa anh N và ông T1 không lập biên bản giao nhận tiền vay, tuy nhiên tại mục 5 của Hợp đồng cho vay tiền các bên thỏa thuận: "*Kể từ thời điểm Bên B ký vào hợp đồng, Bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do Bên A chuyển giao*" và Hợp đồng cho vay tiền này đã được Bên B là ông Trần Huy T1 ký, ghi rõ họ và tên và lăn tay tại phía dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B". Mặt khác ngày 04/6/2025, ông Trần Huy T1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, theo nội dung của Thông báo này thì nguyên đơn anh N yêu cầu bị đơn ông T1 phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng, nhưng ông T1 không có ý kiến gì để phản đối đối với yêu cầu này của anh N. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 10/8/2023, anh N có cho ông T1 vay 300.000.000 đồng và anh N đã giao số tiền này cho ông T1.

Theo mục 3 của Hợp đồng cho vay tiền đã ký thì các bên thỏa thuận: "Thời hạn vay là 01 tháng từ ngày: 10 tháng 08 năm 2023 đến ngày 10 tháng 09 năm 2023" và các bên không thỏa thuận về lãi suất vay. Như vậy, đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Do hết ngày 10/9/2023 ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh N nên anh N yêu cầu ông T1 trả số tiền đã vay là 300.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Quang N về việc buộc ông Trần Huy T1 phải trả lãi phát sinh từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền cụ thể là: 58.764.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*". Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tiền đã ký thì ông T1 có trách nhiệm trả tiền vay cho anh N vào ngày 10/9/2023, do ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 11/9/2023 ông T1 thuộc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ nên việc anh N yêu cầu ông T1 trả lãi phát sinh từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm và với lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cần buộc ông T1 phải trả cho ông N số tiền lãi phát sinh là:

300.000.000 đồng (số tiền cho vay) x 0.83%/tháng (20%/năm) x 23 tháng 18 ngày (từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/8/2025) = 58.764.000 đồng.

Do đó, yêu của anh N về phần lãi phát sinh được chấp nhận.

[4] Tổng cộng, buộc ông T1 phải trả cho anh N số tiền đã vay và lãi phát sinh là 358.764.000 đồng.

[5] Tại Tòa, quan điểm về giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu của anh N được chấp nhận nên anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông T1 phải chịu trên số tiền phải trả cho anh N là:

358.764.000 đồng x 5% = 17.938.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Quang N đối với bị đơn ông Trần Huy T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc ông Trần Huy T1 phải trả cho anh Hồ Quang N số tiền đã vay theo "Hợp đồng cho vay tiền" ngày 10/8/2023 và tiền lãi phát sinh, tổng cộng là: 358.764.000đ (ba trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Huy T1 phải nộp 17.938.200đ (mười bảy triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng).

2.2. Anh Hồ Quang N không phải nộp. Hoàn trả cho anh Hồ Quang N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.745.000đ (tám triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003823 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng THADS khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng